

NHIỆM VỤ
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN
NĂM 2065

ĐỊA ĐIỂM: THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG HÀ NỘI

NHIỆM VỤ

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH GIAO THÔNG VẬN
TẢI THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2045, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2065**

Hà Nội, tháng 04/2025

MỤC LỤC

PHẦN I - MỞ ĐẦU	5
1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch	5
1.1. Căn cứ pháp lý.....	6
1.2. Các tư liệu và tài liệu liên quan	8
2. Quan điểm điều chỉnh quy hoạch	9
3. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.....	9
4. Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch	9
4.1. Về đường bộ	10
4.2. Về đường sắt.....	10
4.3. Về đường thủy và các cảng bến thủy nội địa	10
4.4. Về đường hàng không.....	10
4.5. Hệ thống giao thông công cộng	10
4.6. Hệ thống giao thông tỉnh;	11
4.8. Chiến lược và giải pháp tổ chức quản lý giao thông.....	11
5. Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch.....	11
PHẦN II - CÔNG TÁC ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIAO THÔNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC LẬP QUY HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI THỦ ĐÔ	11
1. Thu thập số liệu kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan đến giao thông	11
2. Điều tra, khảo sát hệ thống giao thông.....	12
2.1. Mạng lưới đường bộ.....	12
2.2. Mạng lưới đường sắt	13
2.3. Đường hàng không.....	13
2.4. Mạng lưới đường thủy	14
2.5. Hệ thống giao thông tỉnh.....	14
3. Công tác khảo sát điều tra lưu lượng giao thông hiện tại	14
3.1. Đối với giao thông đường bộ	15
3.2. Đối với giao thông đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị trong tương lai	16
3.3. Đối với giao thông vận tải hàng không	16
3.4. Điều tra vận tải hành khách và hàng hoá của Thành phố.....	16
3.5. Điều tra phỏng vấn nhu cầu tham gia giao thông của người dân trên địa bàn TP. Hà Nội về OD chuyển đi, mục đích chuyển đi, nhu cầu sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân và phương tiện giao thông công cộng	17
3.6. Xem xét sử dụng dữ liệu lớn trong quá trình lập Quy hoạch Giao thông Thủ đô	17
3.7. Xây dựng mô hình giao thông phục vụ công tác dự báo lập quy hoạch	18
PHẦN III- CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH	20
PHẦN IV- XÁC ĐỊNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ; SƠ BỘ	
PHẦN V- ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.....	24
PHẦN VI - TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	26

1.	Tổ chức thực hiện – Các cơ quan có liên quan	26
2.	Thời gian lập quy hoạch	26
PHẦN VII- KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ		27

PHẦN I - MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng của cả nước, là đầu mối giao thông quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội. Để xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật đồng bộ, hiện đại thì cần thiết phải quy hoạch hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại.

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011. Trong giai đoạn 2011-2023, nhiều quy hoạch chuyên ngành đã được điều chỉnh và phê duyệt như: Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 7/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... Bên cạnh đó, việc bám sát Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và nguồn lực quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị-hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan tỏa để thúc đẩy vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển. Trên cơ sở đó, ngày 12/12/2024 Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 1569/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; ngày 27/12/2024, Thủ tướng chính phủ đã có quyết định số 1668/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

Trong quá trình nghiên cứu lập Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, hợp phần giao thông vận tải được nghiên cứu trên cơ sở các định hướng mới về phát triển không gian đô thị, phân khu chức năng cũng như điều kiện kinh tế xã hội, dân số. Đồng thời, tiếp thu và điều chỉnh hệ thống giao thông vận tải trong các quy hoạch chuyên ngành đã được duyệt.

Quy hoạch chung đã đưa ra định hướng chiến lược về phát triển mạng lưới giao thông chính của Thủ đô Hà Nội, bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không... làm cơ sở để lập quy hoạch chuyên ngành giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội với các nội dung chi tiết hơn như sau:

- Điều tra khảo sát và đánh giá chi tiết hiện trạng giao thông vận tải thành phố;
- Dự báo nhu cầu vận tải trên toàn mạng lưới giao thông, lưu lượng giao thông trên các tuyến đường chính và trọng yếu của thành phố như đường vành đai, trục hướng tâm, tỷ lệ đảm nhận của các phương thức vận tải hành khách và hàng hóa khác nhau...
- Phương án quy hoạch mạng lưới giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt ngoại ô, đường sắt đô thị) và hạ tầng kỹ thuật bao gồm quy mô, mạng lưới tuyến, chiến lược phát triển dịch vụ vận tải, giải pháp tổ chức quản lý giao thông và nâng cao năng lực vận chuyển hành khách công cộng....;
- Xác định nhu cầu vốn và diện tích đất chiếm dụng
- Lộ trình thực hiện và ước tính kinh phí tương ứng
- Đề xuất các cơ chế chính sách thực hiện quy hoạch

Điều chỉnh quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065 là một quy hoạch chuyên ngành nhằm cụ thể hóa nội dung định hướng chiến lược về quy hoạch giao thông đã được xây dựng trong Đồ án quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội. Việc nghiên cứu, hoàn thiện quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065 là nhiệm vụ cấp bách và cần được khẩn trương tiến hành nhằm phục vụ công tác lập kế hoạch, triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Xây dựng (Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014) và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/06/2024).
- Luật Đường bộ (Luật số: 35/2024/QH15 ngày 27/06/2024)
- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24/6/2004; Luật số 48/2014/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Luật Quy hoạch (Luật số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017)
- Văn bản hợp nhất 16/VBHN-VPQH của Quốc hội năm 2020 đã cập nhật 1 số nội dung của Luật QH 21 (2017)
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (luật số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024) có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 ;
- Luật Đất đai (Luật số 31/2025/QH15 ngày 18/1/2024);
- Luật Bảo vệ môi trường (Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020);
- Luật Đề điều số 79/2006/QH11; Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH1; Luật số 60/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 và Luật Đề điều số 79/2006/QH11;
- Luật Tài nguyên nước (Luật số: 28/2023/QH15 ngày 28/2023/QH15) ;
- Luật Thủ đô (luật số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012);
- Luật Thủ đô sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 28/6/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (luật số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012);
- Nghị định 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; và các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của Chính phủ, Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội có liên quan.
- Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải Đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thành phố Hà Nội phải hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị trên địa bàn vào năm 2035.
- Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 6/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 7/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 913/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 Phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000.
- Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về phê duyệt chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh giảm phát thải khí cacbon và khí metal của ngành Giao thông vận tải.
- Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;
- Các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan đến quy hoạch.

1.2. Các tư liệu và tài liệu liên quan

Các tư liệu tài liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội;

Quy hoạch và chiến lược phát triển ngành giao thông của các tỉnh giáp với Thủ đô;

Các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch vùng Thủ đô, quy hoạch giao thông vận tải vùng trọng điểm Bắc Bộ, quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư đã và đang triển khai:

2. Quan điểm điều chỉnh quy hoạch

- Phù hợp với chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam, quy hoạch Vùng Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Phù hợp với định hướng của Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065 (5 không gian phát triển, 5 trung tâm động lực, 5 hành lang và vành đai kinh tế, 5 trục phát triển quan trọng);
- Phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, bền vững, hiện đại; đảm bảo sự cân đối, hài hòa giữa các khu vực của Thủ đô; đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân và doanh nghiệp;
- Ưu tiên phát triển giao thông công cộng, nhất là loại hình vận tải có khối lượng trung bình và lớn. Phát triển các dịch vụ vận tải theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường.
- Đảm bảo các phương thức vận tải được kết nối thuận tiện đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa liên phương thức và đa phương thức.

3. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065

- Lập quy hoạch Giao thông Vận tải Thủ đô làm cơ sở quan trọng để triển khai các dự án và kế hoạch đầu tư phát triển giao thông vận tải phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển của người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội.
- Thiết lập các chỉ tiêu quy hoạch giao thông như:
 - + Chỉ tiêu sử dụng đất;
 - + Chỉ tiêu về mạng lưới giao thông đường bộ km/km²;
 - + Chỉ tiêu về tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng;
 - + Chỉ tiêu phát triển các loại hình vận tải;
 - + Chỉ tiêu về bến bãi, nhà ga (sử dụng đất);
- Lập quy hoạch cho từng loại hình giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không) đảm bảo tính đồng bộ, hài hòa và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, địa hình, địa chất của Thủ đô trong đó phát triển hệ thống giao thông kết nối liên mạch giữa 5 vùng đô thị, ưu tiên phát triển đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD), phát triển giao thông xanh, thông minh, bền vững.
- Xây dựng kế hoạch và đề xuất cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch và chiến lược phát triển giao thông vận tải Thủ đô.

4. Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch GTVT Thủ đô Hà Nội: Trong phạm vi Thủ đô Hà Nội và có xem xét đến các tỉnh lân cận trong bán kính ảnh hưởng 30-50km;

Mạng lưới giao thông tổng thể được nghiên cứu trên nền bản đồ số tỷ lệ 1/25.000; đô thị trung tâm và các thành phố trên nền bản đồ tỷ lệ 1/10.000. Cụ thể như sau:

4.1. Về đường bộ

- Giao thông Quốc gia: các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc;
- Giao thông đô thị;
 - + Các tuyến đường vành đai, các trục hướng tâm;
 - + Các trục chính đô thị của thành phố, đường trục đô thị, đường liên khu vực;
 - + Định hướng chung về giao thông xanh: đường xe đạp, đi bộ
- Giao thông ngoài đô thị: Các tuyến đường tỉnh, các trục kết nối
- Giao thông kết nối các tỉnh lân cận.
- Nút giao giữa cao tốc và các tuyến đường vành đai

4.2. Về đường sắt

- Mạng lưới đường sắt quốc gia;
- Mạng lưới đường sắt ngoại ô, vùng;
- Mạng lưới đường sắt đô thị;
- Nhà ga và các vị trí trung chuyển.

4.3. Về đường thủy và các cảng bến thủy nội địa

- Hệ thống giao thông đường thủy khu vực;
- Các cảng thủy nội địa trong khu vực;

4.4. Về đường hàng không

- Các cảng hàng không và sân bay khu vực Vùng Thủ đô;

4.5. Hệ thống giao thông công cộng

- Xây dựng mô hình vận tải hành khách công cộng toàn thành phố Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.
- Lựa chọn phương tiện công cộng tương ứng với thị phần tham gia đảm nhận vận chuyển lưu lượng hành khách theo mô hình vận chuyển đa phương thức phù hợp với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung và Quy hoạch Thủ đô đã được duyệt.
- Rà soát, cụ thể hoá mạng lưới hệ thống giao thông công cộng theo các loại hình phương tiện phù hợp với mô hình dự báo lưu lượng hành khách theo định hướng quy hoạch đã được duyệt
- Xác định ranh giới sơ bộ và vị trí các điểm TOD cấp đô thị theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung đã được phê duyệt

4.6. Hệ thống giao thông tỉnh;

- Xem xét, rà soát các quy hoạch về giao thông tỉnh trên địa bàn thành phố về các bến xe chính, điều chỉnh và bổ sung các bến xe (nếu thấy cần thiết), định hướng các bãi đỗ xe chính tại các khu vực kết nối các phương thức vận tải, khu vực ga kết nối giữa các tuyến đường sắt đô thị.
- Định hướng xây dựng các trạm sạc xe điện.
- Trung tâm tiếp vận
 - + Xem xét, rà soát bổ sung nhu cầu về trung tâm tiếp vận phù hợp với định hướng Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội.
 - + Xác định vị trí và quỹ đất

4.7. Hệ thống giao thông ngầm và trên cao:

- Xem xét bổ sung định hướng giao thông ngầm trong đô thị trung tâm: Các tuyến đường giao thông ngầm/trên cao (nếu có), mạng lưới đường sắt đô thị ngầm/trên cao, bãi đỗ xe ngầm/trên cao...

4.8. Chiến lược và giải pháp tổ chức quản lý giao thông

5. Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch

Đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

PHẦN II - CÔNG TÁC ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIAO THÔNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC LẬP QUY HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI THỦ ĐÔ

Trong năm 2023 công tác rà soát quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được thực hiện (triển khai theo Văn bản số 1166/SGTVT-KHTC ngày 15/3/2023 của Sở Giao thông vận tải). Một số công tác đã được triển khai như thu thập tài liệu về tình hình kinh tế xã hội, định hướng phát triển kinh tế xã hội; Thu thập tài liệu, dữ liệu về hiện trạng giao thông vận tải Hà Nội, các quy hoạch có liên quan; Điều tra, thu thập tổng quan số liệu hệ thống giao thông hiện có... Những số liệu này sẽ được tận dụng một phần để đánh giá và lập quy hoạch GTVT Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến 2065.

Các công tác điều tra khảo sát, xây dựng mô hình giao thông phục vụ công tác lập quy hoạch và đánh giá phương án quy hoạch GTVT Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến 2065 như sau:

- 1. Thu thập số liệu kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan đến giao thông**
 - Điều tra về tình hình kinh tế xã hội, định hướng phát triển kinh tế của vùng Thủ đô đến năm 2030, 2045.
 - Quy hoạch chung của Thủ đô đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065.

- Điều tra quy hoạch về các khu công nghiệp, các khu chế xuất nằm trong nội, ngoại thành Hà Nội.
- Đặc điểm dân cư, văn hoá xã hội, các di tích, các điểm du lịch.... trong khu vực nghiên cứu (theo địa bàn các quận, huyện).
- Thu thập các tài liệu về quy hoạch lâm nghiệp, thuỷ lợi, thông tin liên lạc và cấp thoát nước của Thủ đô Hà Nội.
- Tài liệu tổng điều tra dân số các quận huyện nội, ngoại thành Hà Nội.
- Điều tra thu thập các số liệu cơ bản về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất, khí tượng thuỷ văn của Thủ đô Hà Nội.
- Điều tra Quy hoạch tổng quan các thành phố, đô thị vệ tinh Hà Nội (phạm vi 50-70km quanh Trung tâm TP. Hà Nội).
- Điều tra hiện trạng kinh tế xã hội và các quy hoạch có liên quan đến giao thông đô thị Hà Nội.
- Thu thập các tài liệu có liên quan đến phát triển dân số Thủ đô Hà Nội trong tương lai (đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065)
- Tài liệu các loại bản đồ tỷ lệ 1:100.000, 1: 25.000 và 1:10.000 khu vực Hà Nội và các trung tâm phụ cận. Bao gồm: 6 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/100.000 và 65 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/25.000; 200 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/10.000.
- Hiện trạng và quy hoạch hệ thống đường thủy, cảng thủy nội địa thành phố Hà Nội, khối lượng hàng hoá, hành khách qua cảng khu vực Hà Nội.
- Hiện trạng và quy hoạch đường sắt khu vực Hà Nội (bao gồm đường sắt Quốc gia và đường sắt đô thị).
- Mạng lưới đường bộ nội thành thành phố Hà Nội và khu vực ngoài thành phố, quy hoạch các đường quốc lộ, tỉnh lộ.
- Thu thập các đề án liên quan đến giao thông vận tải như: Đề án đánh giá và phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đề án phát triển hệ thống giao thông công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn thành phố.
- Thu thập số liệu về không gian sử dụng đất của thành phố như: Phân bố dân số; Phân bố nơi làm việc và học tập; Xu hướng mở rộng không gian; Mô hình sử dụng đất; quy hoạch phân khu chức năng đô thị lõi, đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội.

2. Điều tra, khảo sát hệ thống giao thông

2.1. Mạng lưới đường bộ

- Tài liệu tổng quan về sự phát triển mạng lưới giao thông vùng Thủ đô (đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không).

- Bản đồ hành chính tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000 các quận, huyện, thị trấn ngoại thành Hà Nội.
- Điều tra mạng lưới giao thông chính yếu của Thủ đô Hà Nội (lập bản đồ giao thông các trục chính: chiều dài, bề rộng mặt cắt ngang, v.v...).
- Thu nhập số liệu phương tiện cơ giới đường bộ và phân tích, đánh giá tài liệu điều tra về các phương tiện theo phương thức vận tải đô thị (ôtô, xe máy, xe tải, xe bus, xe taxi, xe công nghệ, xe hợp đồng...).
- Vị trí, quy mô các bến xe, số lượng hành khách trung bình ngày với từng bến xe của các tỉnh, thành phố trong khu vực nghiên cứu.
- Tổng quan về hiện trạng mạng lưới vận tải công cộng hiện tại nội đô và liên tỉnh.
- Thu thập các tài liệu về khối lượng vận tải hành khách và hàng hoá của các phương thức giao thông sắt, thủy, bộ.
- Thu thập các số liệu đếm xe đã thực hiện của các tuyến trong khu vực nghiên cứu và các vị trí giao cắt.
- Các tài liệu về Quy hoạch giao thông đã thực hiện.
- Báo cáo nghiên cứu về giao thông Hà Nội của các tổ chức nước ngoài nếu có như: JICA, WB, SIDA, v.v..

2.2. Mạng lưới đường sắt

- Điều tra kết cấu hạ tầng tuyến và các ga đường sắt trong khu vực thành phố Hà Nội bao gồm: vị trí, quy mô và trạng thái hoạt động.
- Điều tra thu thập về tổ chức khai thác đường sắt: về số đôi tàu (hàng, khách) và khối lượng vận chuyển trên các tuyến đường sắt quanh khu vực nghiên cứu.
- Thu thập tài liệu của các dự án, các quy hoạch về đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị trong khu vực nghiên cứu.
- Báo cáo nghiên cứu về mạng lưới giao thông vận tải đường sắt Tp. Hà Nội của các tổ chức nước ngoài như: JICA , WB...

2.3. Đường hàng không

- Điều tra, đánh giá vai trò và lượng hành khách, hàng hoá qua các sân bay Nội Bài, Gia Lâm.
- Thu thập tài liệu quy hoạch các sân bay quanh vùng Thủ đô như: Nội Bài, Gia Lâm, Bạch Mai, Cát Bi, Gia Bình.
- Khảo sát, điều tra, thu thập số liệu: địa hình, địa chất, đất đai, cơ sở hạ tầng... khu vực dự kiến quy hoạch cảng hàng không thứ 2 vùng Thủ đô, khu vực sân bay Gia Lâm, Bạch Mai, Hòa Lạc, Gia Bình.

2.4. Mạng lưới đường thủy

- Về hiện trạng các tuyến đường thủy nội địa do các đơn vị quản lý đường sông quản lý: sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Tích Giang, sông Nhuệ và các sông khác có khả năng khai thác vận tải
- Về tình hình phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa: Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5664-2009
- Về tình hình báo hiệu đường thủy nội địa: Báo hiệu trên bờ, báo hiệu dưới nước
- Về tình hình vận tải hàng hoá và hành khách trên các tuyến đường thủy:
- + Số liệu về phương tiện vận tải thủy của các địa phương khu vực các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô
- Tình hình cảng và bến thủy nội địa:
- + Vị trí các bến cảng, bến thủy nội địa hiện tại trên các tuyến sông.
- + Hiện trạng về quy mô và nhiệm vụ các cảng, bến thủy nội địa.
- + Khối lượng và chủng loại hàng hoá bốc dỡ qua bến cảng, bến thủy nội địa.
- Các công trình và chướng ngại vật trên các tuyến:
- + Hiện tại trên các tuyến sông có một số chướng ngại vật: Tuyến cáp điện thông tin, điện cao thế, các cầu đường bộ, cầu đường sắt, các bến đò.
- + Các đoạn cong gấp, các bãi cạn và các công trình chỉnh trị có thể ảnh hưởng đến vận tải thủy.
- Thu thập các dự án liên quan đến sông Hồng khu vực Hà Nội.

2.5. Hệ thống giao thông tĩnh

- Thu thập hệ thống bến, bãi đỗ xe chính của Hà Nội và trong khu vực nghiên cứu;
- Thu thập các nút giao thông.

3. Công tác khảo sát điều tra lưu lượng giao thông hiện tại

Bảng tổng hợp khối lượng công tác điều tra khảo sát

TT	Nội dung	Khối lượng dự kiến
I	Điều tra khảo sát phỏng vấn nhằm xác định nhu cầu tham gia giao thông	
1	Phỏng vấn nhu cầu tham gia giao thông của người dân trên địa bàn TP. Hà Nội	3000 phiếu phỏng vấn
2	Phỏng vấn OD người lái xe tại đường bao các cửa ngõ giao thông chính (7 vị trí, mỗi vị trí thực hiện phỏng vấn cả lái xe chở khách và lái xe chở hàng hóa)	700 phiếu khảo sát (bao gồm 350 phiếu đối với vận tải hành khách và 350 phiếu đối với vận tải hàng hóa).
3	Điều tra phỏng vấn hành khách sử dụng VTHKCC	1000 phiếu phỏng vấn

	tại các ga đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, bến xe buýt.	hành khách.
4	Phỏng vấn OD hành khách tại nhà ga sân bay Nội Bài	500 phiếu phỏng vấn.
5	Đếm lượng hành khách lên xuống trên các tuyến xe buýt hiện tại trong 1 ngày (khảo sát trên 20 tuyến xe buýt, mỗi tuyến chọn 3 phương tiện, mỗi phương tiện sẽ khảo sát đếm 6 lượt hành trình/ngày)	20 tuyến, mỗi tuyến đếm 3 phương tiện, mỗi phương tiện khảo sát đếm 6 lượt/ngày.
6	Điều tra phỏng vấn thông tin về vận tải hàng hóa tại các đầu mối vận tải, bến/bãi, trung tâm logistics, doanh nghiệp VTHH (theo hình thức phát phiếu gửi đến các DN đề nghị cung cấp thông tin về VTHH)	Dự kiến khoảng 20-30 đơn vị VTHH trên địa bàn TP. Hà Nội.
II	Khảo sát giao thông	
1	Khảo sát lưu lượng giao thông tại các cửa ngõ giao thông chính của thành phố Hà Nội.	14 vị trí (mặt cắt)
2	Khảo sát lưu lượng giao thông 07 cầu qua sông Hồng	07 mặt cắt
3	Khảo sát lưu lượng giao thông tại các nút giao	10 nút giao ngã tư (12 hướng), 25 nút giao ngã tư (8 hướng đếm theo các mặt cắt), 10 nút giao ngã 3 (6 hướng).
4	Khảo sát lưu lượng giao thông tại mặt cắt các tuyến đường chính	30 mặt cắt

3.1. Đối với giao thông đường bộ

Giao thông đô thị hiện nay chủ yếu là đường bộ do đó yêu cầu đặt ra là phải thu thập số liệu điều tra lưu lượng giao thông hiện tại (bao gồm cả số liệu đã điều tra trước đây) của các trục giao thông đối ngoại, các trục giao thông vành đai và lưu lượng vận tải thông qua các nút giao cắt chính (các đường vành đai IV, V).

Phương pháp điều tra với mạng lưới đường bộ theo từng vùng xác định là:

- Các nút giao cắt giữa các đường hướng tâm, xuyên tâm và vành đai đô thị, điều tra khối lượng hàng hóa và hành khách đến, đi và quá cảnh giữa các tỉnh. Tại các nút giao hiện có phải xác định được các luồng xe rẽ các hướng.
- Phỏng vấn lái xe về nơi đi, nơi đến, chi phí và thời gian đi lại, khối lượng hành khách và hàng hóa vận chuyển, loại hàng hóa vận chuyển, thống kê các chủng loại xe cơ giới (*có biểu mẫu chi tiết riêng*).
- Điều tra khảo sát, phỏng vấn OD tại các đầu mối vận tải hành khách và hàng hóa, các khu công nghiệp lớn trên địa bàn Thành phố Hà Nội (*có biểu mẫu chi tiết riêng*).

- Tiến hành điều tra OD tại các đường bao nằm trên các đường nổi nội thành Hà Nội với các tuyến đường giao thông liên tỉnh, giữa các đô thị vệ tinh với nhau, thực hiện 700 phiếu khảo sát phỏng vấn tại 7 vị trí (*bao gồm 350 phiếu đối với vận tải hành khách và 350 phiếu đối với vận tải hàng hóa*). (*có biểu mẫu chi tiết riêng*).
- Điều tra phỏng vấn hành khách sử dụng VTHKCC tại các bến xe buýt (*có biểu mẫu chi tiết riêng*)
- Đếm lượng hành khách lên xuống trên các tuyến xe buýt hiện tại trong 1 ngày (*khảo sát trên 20 tuyến xe buýt, mỗi tuyến chọn 3 phương tiện, mỗi phương tiện sẽ khảo sát đếm 6 lượt hành trình/ngày*), (*có biểu mẫu chi tiết riêng*).
- Khảo sát lưu lượng giao thông 07 cầu qua sông Hồng, bao gồm cầu Thăng Long; cầu Nhật Tân; cầu Long Biên; cầu Chương Dương; cầu Vĩnh Tuy; cầu Thanh Trì; cầu Vĩnh Thịnh.
- Khảo sát lưu lượng giao thông các nút giao, mặt cắt trên địa bàn thành phố: Dự kiến 25 nút giao và 30 mặt cắt các tuyến đường chính.

3.2. Đối với giao thông đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị trong tương lai

- Tương tự như phương pháp điều tra đối với mạng lưới giao thông đường bộ, phương pháp điều tra với mạng lưới đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị trong tương lai theo các hướng được xác định trong quy hoạch chung
- Điều tra phỏng vấn hành khách sử dụng VTHKCC tại các ga đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị (*có biểu mẫu chi tiết riêng*).

3.3. Đối với giao thông vận tải hàng không

- Công tác điều tra khảo sát đối với giao thông vận tải hàng không. Dự kiến điều tra như sau:
- Phỏng vấn OD hành khách tại nhà ga sân bay Nội Bài dự kiến thực hiện 500 phiếu phỏng vấn (*có biểu mẫu chi tiết riêng*);
- Điều tra, thu thập về cơ sở vật chất, năng lực, khối lượng hành khách và hàng hóa qua sân bay Nội Bài trong thời gian 10 năm gần đây (2015-2024).

3.4. Điều tra vận tải hành khách và hàng hóa của Thành phố

- Điều tra luồng hàng, luồng khách của vùng Thủ đô trên các phương tiện vận tải như:
- Điểm thu hút, phát sinh các luồng hàng và luồng hành khách của vùng Thủ đô;
- Loại phương tiện, sự thay đổi cơ cấu mỗi loại phương tiện tham gia giao thông trong khu vực nghiên cứu;
- Mật độ phương tiện theo khu vực và trên các tuyến kết nối;
- Tổ chức vận tải hành khách và hàng hóa;

- Vận tải hành khách công cộng;
- Các chỉ tiêu và chi phí vận tải hành khách công cộng hiện tại.

3.5. Điều tra phỏng vấn nhu cầu tham gia giao thông của người dân trên địa bàn TP. Hà Nội về OD chuyển đi, mục đích chuyển đi, nhu cầu sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân và phương tiện giao thông công cộng

- Điều tra O/D nhu cầu tham gia giao thông của người dân: điều tra phỏng vấn O/D trên quy mô lớn toàn bộ thành phố được thực hiện từ năm 2012 trong Nghiên cứu Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đến nay cơ sở dữ liệu giao thông này đã cũ, đặc điểm chuyển đi có nhiều thay đổi sau hơn 10 năm phát triển Thủ đô. Do đó, việc cập nhật Quy hoạch cần thiết phải thực hiện trên quy mô toàn bộ ranh giới địa chính của thành phố và khu vực nghiên cứu ảnh hưởng liên quan, nhằm thu thập thông tin về: điểm đi- điểm đến thu nhập, sở hữu phương tiện, loại phương tiện sử dụng, số chuyến đi trong ngày, cự ly trung bình chuyến đi, mục đích chuyến đi... Ngoài ra, ý kiến và quan điểm người dân tham gia giao thông liên quan đến quy hoạch giao thông công cộng, đường sắt đô thị... cũng cần được khảo sát thu thập.
- Tham khảo ý kiến các chuyên gia trong các cuộc hội thảo chuyên ngành và tham khảo các nghiên cứu đã thực hiện trước đây, tận dụng các dữ liệu nghiên cứu điều tra trong các dự án giai đoạn từ 2012 và thông tin cơ sở dữ liệu lớn, dự kiến thực hiện phỏng vấn khoảng 3.000 phiếu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Công tác điều tra phỏng vấn sẽ có đề cương chi tiết riêng.
- Định kỳ khoảng 2 -3 năm cần điều tra với quy mô nhỏ khoảng (tương đương 1000 phiếu) để làm cơ sở cập nhật đánh giá hiện trạng, mô hình giao thông thành phố.

3.6. Xem xét sử dụng dữ liệu lớn trong quá trình lập Quy hoạch Giao thông Thủ đô

Hà Nội là một trong những đô thị có tốc độ đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng và gia tăng sở hữu phương tiện cơ giới cá nhân nhanh. Việc kết hợp giữa dữ liệu lớn (BigData) thu thập từ hệ thống theo dõi GPS, phần mềm ứng dụng kết nối vận tải với kết quả điều tra, khảo sát chuyến đi truyền thống đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước để xây dựng, cập nhật và nâng cao chất lượng mô hình giao thông. Việc khai thác kết hợp các nguồn dữ liệu này không chỉ giảm thiểu thời gian, chi phí khảo sát mà còn nâng cao độ chính xác của kết quả dự báo và duy trì tính bền vững của mô hình giao thông. Do đó, nghiên cứu lập Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô sẽ xem xét, thu thập và sử dụng dữ liệu lớn trong điều kiện cho phép khả thi thực hiện được nhằm bổ sung cho dữ liệu điều tra phỏng vấn, tăng cường tính chính xác và giảm thiểu chi phí điều tra khảo sát. Việc sử dụng dữ liệu lớn cần phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cung cấp, xử lý dữ liệu nhằm đảm bảo quy định pháp luật.

3.7. Xây dựng mô hình giao thông phục vụ công tác dự báo lập quy hoạch

Việc xây dựng mô hình giao thông cho TP. Hà Nội trên nền tảng phần mềm hiện đại và thông minh. Mô hình sẽ là một công cụ phục vụ đắc lực cho lập dự báo nhu cầu giao thông và đánh giá các phương án quy hoạch hạ tầng giao thông (bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không), quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng chiến lược phát triển giao thông vận tải, tổ chức và quản lý giao thông.

Xây dựng mô hình giao thông phục vụ công tác dự báo, lập quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô căn cứ theo Quyết định số 543/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT về hướng dẫn về yêu cầu chung đối với công tác điều tra, khảo sát lưu lượng, tải trọng và dự báo giao thông phục vụ công tác lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ. Các kết quả phân tích và dự báo từ mô hình giao thông sẽ là dữ liệu đầu vào quan trọng trong việc xây dựng, đánh giá và lựa chọn các chỉ tiêu quy hoạch và quy mô các công trình phù hợp với kịch bản phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị và nhu cầu giao thông, đảm bảo hệ thống giao thông vận tải phát triển bền vững, thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa, thân thiện với môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

Việc xây dựng mô hình giao thông Thủ đô Hà Nội sẽ dựa trên kết quả khảo sát phỏng vấn, tích hợp dữ liệu thống kê và các định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch chung Thủ đô. Mô hình giao thông được lập sẽ bao gồm 04 hợp phần tích hợp sau: (1) Mô hình nhu cầu giao thông, (2) Mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật giao thông, (3) Thông tin về sử dụng đất và (4) Phương án tổ chức và quản lý giao thông và (5) Bản đồ số năm hiện trạng và tương lai. Cụ thể như sau:

- Đối với mô hình nhu cầu giao thông, mô hình sẽ bao gồm nhu cầu vận tải hành khách và vận tải hàng hóa được phân chia theo loại chuyến đi (nội tỉnh và liên tỉnh), mục đích chuyến đi (đi học, đi làm, đi chơi...), phương thức đi lại (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa...) và tuyến đường đi lại cho năm hiện trạng và năm tương lai. Thông tin về sử dụng đất như khu dân cư, khu công nghiệp, bãi đỗ xe, công trình đầu mối giao thông... thể hiện sự phân bố nhu cầu phát sinh, thu hút chuyến đi và hàng hóa theo không gian được hình thành từ hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất năm hiện trạng và tương lai.
- Mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật giao thông sẽ bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và đường hàng không, các đầu mối vận tải hành khách và hàng hóa, các nhà ga, bến bãi...theo hiện trạng và quy hoạch trong phạm vi nghiên cứu.

- + Đối với đường bộ: bao gồm mạng lưới đường đô thị cấp liên khu vực đến đường trục chính đô thị và các tuyến đường chính ngoài đô thị (tỉnh lộ trở lên).
 - + Đối với đường sắt: bao gồm mạng lưới đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, các tuyến đường sắt liên vùng, đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dụng.
 - + Đối với đường thủy: bao gồm mạng lưới đường thủy nội địa, cảng và bến cảng.
 - + Đối với đường hàng không: Các nhà ga hàng không.
- Bản đồ số sẽ tích hợp các lớp hợp phần nêu trên trên cùng một nền bản đồ, được quản lý thông tin và vận hành trên phần mềm mô phỏng giao thông PTV-VISUM và có thể trao đổi dữ liệu với các nguồn bản đồ số khác như GIS, mapinfor...

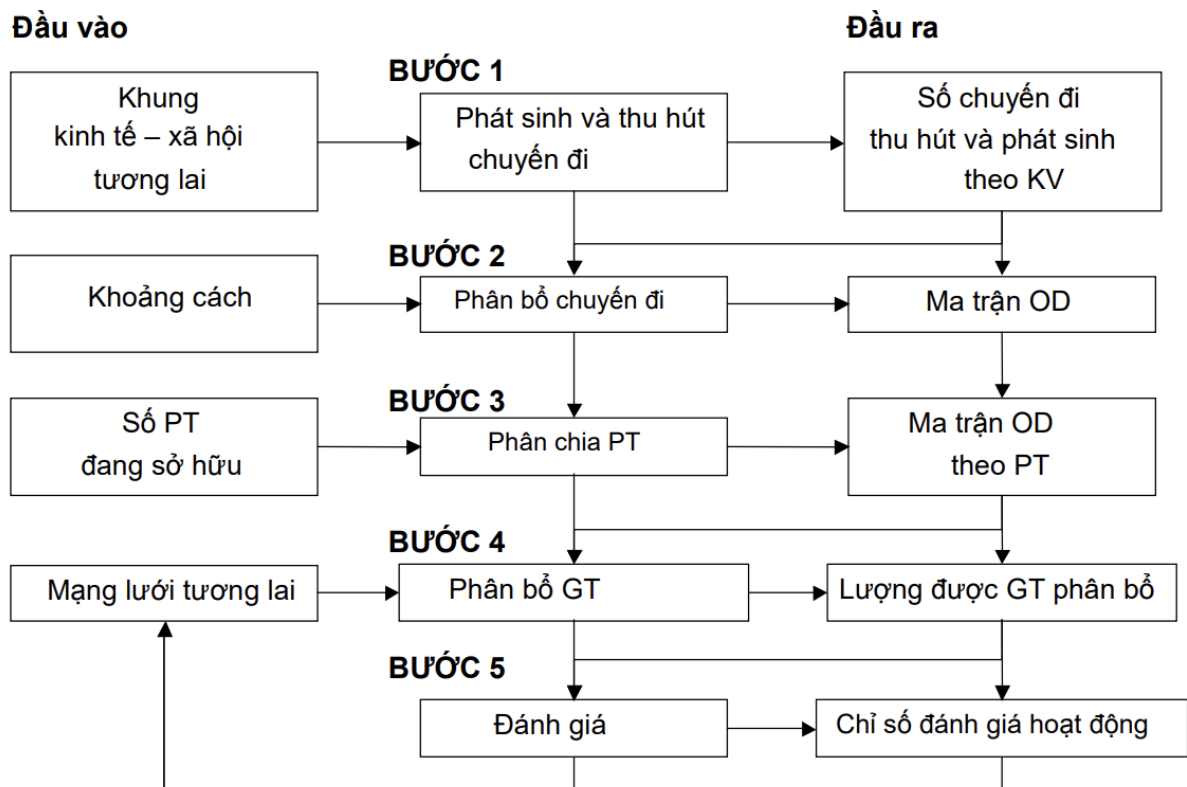
Phạm vi không gian: Toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hà Nội có xem xét các tỉnh thành phố thuộc vùng Thủ đô.

Thời gian dự báo:

+ Năm hiện trạng: 2025

+ Năm dự báo mục tiêu: 2030, 2035, 2040, 2045, 2050 và 2065.

Công tác xây dựng mô hình giao thông Thủ đô *được lập theo khung mô hình giao thông 4 bước truyền thống*.



Mô hình 4 bước dự báo nhu cầu giao thông

PHẦN III- CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Đánh giá về hiện trạng hệ thống giao thông vận tải Thủ đô

- Đánh giá hiện trạng mạng lưới giao thông và hiện trạng vận tải khu vực nghiên cứu. Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí như: Chỉ tiêu sử dụng đất; chỉ tiêu về mạng lưới giao thông đường bộ km/km²; chỉ tiêu về giao thông công cộng; chỉ tiêu các loại hình vận tải; chỉ tiêu về bến bãi, nhà ga;
- Đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch;
- Rà soát các quy hoạch đã được duyệt, đánh giá sự phù hợp và khả năng phát triển về giao thông và vận tải.

2. Quy hoạch mạng lưới giao thông Thủ đô Hà Nội

- Hệ thống giao thông đường bộ;
- Hệ thống giao thông đường sắt;
- Hệ thống giao thông đường thủy;
- Hệ thống giao thông đường hàng không (các cảng hàng không);
- Hệ thống giao thông tĩnh (các bến đỗ xe chính).

2.1 Mạng lưới giao thông đường bộ

- Nghiên cứu cải tạo, mở rộng các quốc lộ hướng tâm hiện tại lên thành đường có 4 đến 6 làn xe cơ giới. Khôi phục cải tạo các tuyến Quốc lộ hiện hữu qua các khu vực.
- Nghiên cứu bổ sung điều chỉnh quy hoạch các đường cao tốc theo các hướng qua địa bàn Thủ đô.
- Quy hoạch cập nhập Vành đai liên kết các đô thị vệ tinh xung quanh Hà Nội.
- Quy hoạch hoàn thiện các đường Vành đai trung gian như đường Vành đai 2,5; Vành đai 3,5.
- Quy hoạch tuyến đường dọc sông Hồng, định hướng quy hoạch tuyến đường dọc sông Đáy.
- Quy hoạch bổ sung các trục đường chính đô thị (nếu cần) nhằm tạo thành các luồng hành khách chủ yếu trong nội thành Hà Nội, quy hoạch bổ sung các đường trục nối các thành phố, đô thị vệ tinh và các trục đường ven sông.
- Quy hoạch các trục đường trong các thành phố mới (thành phố phía Bắc, Thành phố phía Tây).
- Quy hoạch các tuyến đường kết nối với các địa phương xung quanh Thủ đô Hà Nội
- Xem xét xây dựng mới hoặc bổ sung quy mô các trục đường nối các đô thị vệ tinh với nhau các đô thị vệ tinh với thành phố lõi trung tâm.

- Quy hoạch các tuyến đường tỉnh (hướng tuyến mới hạn chế cắt khu dân cư) nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá hành khách của các năm mục tiêu 2030, 2045.
- Quy hoạch bổ sung hệ thống cầu qua sông Hồng, sông Đuống đảm bảo sự kết nối giữa Thủ đô với khu vực trên cơ sở số lượng cầu đưa ra trong Quy hoạch chung.
- Rà soát quy hoạch hệ thống đường trên cao.

2.2 *Mạng lưới giao thông vận tải đường sắt*

- **Đường sắt quốc gia:**

Quy hoạch hệ thống đường sắt Quốc gia bao gồm: Đường sắt hướng tâm, đường sắt vành đai. Đồng thời, nghiên cứu quy hoạch cho hệ thống nhà ga gồm ga đầu mối ga trung chuyển và các trung tâm vận chuyển đa phương thức.

- **Đường sắt ngoại ô:**

Quy hoạch hệ thống đường sắt ngoại ô từ trung tâm Hà Nội tới các thành phố vệ tinh có bán kính 50-70km.

- **Đường sắt đô thị và xe buýt nhanh:**

Quy hoạch hệ thống đường sắt đô thị dựa theo nghiên cứu cụ thể và có xem xét đến việc điều chỉnh, bổ sung các tuyến theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung và Quy hoạch Thủ đô bao gồm dự kiến điều chỉnh các tuyến số 1, 2, 6; bổ sung 04 tuyến mới trên các trục Lê Văn Lương, khu vực phía Bắc sông Hồng, khu vực thành phố phía Tây dự kiến, khu vực sân bay thứ 2 phía Nam. Loại hình, phương thức, lộ trình và tiến độ thực hiện của từng tuyến đường sắt đô thị được nghiên cứu cụ thể trong các giai đoạn nghiên cứu quy hoạch và theo dự án riêng. Định hướng khu vực xây dựng các tuyến đường sắt đô thị đi ngầm.

Nghiên cứu hệ thống các tuyến monorail và xe buýt (BRT) ưu tiên để hỗ trợ cho các tuyến đường sắt đô thị.

- **Các ga đường sắt**

Nghiên cứu quy hoạch hệ thống ga đường sắt chính, ga đầu mối đảm bảo kết nối thuận tiện. Trong đó:

- Ga Hà Nội: ga hành khách trung tâm của tuyến đường sắt đô thị đồng thời cũng là ga trung chuyển đa phương thức giữa các tuyến đường sắt đô thị với các tuyến vận tải hành khách công cộng khác.
- Ga Ngọc Hồi: ga đầu mối phía Nam với chức năng chính là đón gửi, lập tàu khách cho các tuyến đường sắt phía Nam sông Hồng bao gồm các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt quốc gia loại thường và đường sắt tốc độ cao.
- Ga Thường Tín (mới) : ga lập tàu hàng cho các tuyến đường sắt phía Nam; đón gửi tàu khách thông qua; đón gửi tàu hàng; giải thể lập tàu hàng đi phía Nam.

- Ga Yên Viên: ga đầu mỗi tàu khách đối với các tuyến đường sắt phía bắc sông Hồng và kết nối, trung chuyển hành khách giữa tàu đường sắt quốc gia và tàu ĐSDT; tổ chức đón tiễn hành khách đường sắt quốc gia khổ 1000mm, 1435mm.
- Ga Gia Lâm: ga đường sắt đô thị kết hợp ga đường sắt quốc gia phục vụ đón trả khách tàu quốc gia khổ 1435mm cho các tuyến phía Bắc sông Hồng và tàu khách quốc gia khổ 1000mm tuyến Hà Nội - Hải Phòng.
- Ga Yên Thường: ga lập tàu hàng cho các tuyến đường sắt phía Bắc sông Hồng; đón gửi tàu khách thông qua; đón gửi tàu hàng; giải thể lập tàu hàng đi các tuyến phía Bắc.

- **Công nghiệp đường sắt**

Nghiên cứu định hướng quy hoạch phát triển công nghiệp đường sắt (bao gồm đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị) tại khu vực phía Nam (huyện Ứng Hòa và Phú Xuyên) thành phố Hà Nội.

2.3 *Mạng lưới giao thông đường thủy*

Quy hoạch phát triển luồng tuyến: căn cứ vào kết quả dự báo NCVT trên các đoạn đường sông (sông Hồng, sông Đà, sông Đáy ...) thuộc khu vực nghiên cứu kết hợp với việc phân tích đặc điểm của các luồng vận tải đi qua các đoạn đường sông này, từ đó lựa chọn loại phương tiện vận tải thủy làm cơ sở cho quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong khu vực nghiên cứu.

- **Quy hoạch các tuyến vận tải thủy**

Nghiên cứu quy hoạch các tuyến vận tải thủy của Thủ đô, kết nối với mạng lưới vận tải thủy khu vực phía Bắc và quốc tế.

- **Quy hoạch Chính trị, cải tạo các tuyến đường thủy**

Nghiên cứu chỉnh trị và cải tạo các tuyến đường thủy, đảm bảo cho hệ thống giao thông thủy như quy hoạch hoạt động.

- **Quy hoạch cảng bến thủy nội địa**

Nghiên cứu quy hoạch hệ thống cảng bến thủy nội địa (bao gồm nâng cấp mở rộng, xây dựng mới): xác định vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô công suất, cỡ tàu, giao thông kết nối, nhu cầu sử dụng đất).

2.4 *Giao thông đường hàng không*

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài công suất 55 triệu HK đến năm 2030, 85 triệu HK đến năm 2050.

Quy hoạch cảng hàng không thứ 2 vùng Thủ đô phía Nam Thủ đô Hà Nội, công suất 30-50 triệu HK/năm. Xác định vị trí, quy mô, công suất, giao thông kết nối của cảng hàng không thứ 2.

Sân bay Gia Lâm, Hòa Lạc định hướng khai thác lưỡng dụng với phần dân dụng cho các tàu bay cỡ nhỏ và khai thác hàng không chung.

Các sân bay quân sự khác (Miếu Môn, Bạch Mai): Quân sự quản lý và khai thác như hiện tại.

2.5 Hệ thống giao thông công cộng

- Quy hoạch vận tải khách công cộng: Các chỉ tiêu, chiến lược vận tải hành khách công cộng
- Đề xuất hệ thống giao thông công cộng hỗ trợ

2.6 Hệ thống TOD

Mạng lưới TOD theo phân cấp

Hệ thống các nhà ga lớn có tính chất đầu mối giao thông (hub station)

2.7 Hệ thống nút giao thông, bến bãi đỗ xe và trung tâm tiếp vận

Cập nhập các bến xe chính trong quy hoạch bến bãi đỗ xe đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 08/4/2022, Trên cơ sở các định hướng mới về hạ tầng giao thông sẽ rà soát điều chỉnh cho phù hợp.

• Bố trí bến xe

Nghiên cứu các vị trí bến xe chính, quy mô, chức năng phục vụ vv...

• Định hướng bãi xe chính

Nghiên cứu định hướng các vị trí bãi xe chính tại các khu vực kết nối các phương thức vận tải, khu vực ga kết nối các tuyến đường sắt đô thị...

• Các nút giao thông:

Xác định sơ bộ hình thái với các nút giao lập thể chính trên các đường vành đai và trục hướng tâm (cao tốc), xem xét các nút giao lập thể phát sinh khi xây dựng các đường cao tốc mới.

• Trung tâm tiếp vận:

- Đề xuất mạng lưới hệ thống trung tâm tiếp vận
- Tính toán quỹ đất

PHẦN IV- XÁC ĐỊNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ; SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, NGUỒN VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.

1. Xác định nhu cầu vốn và diện tích đất chiếm dụng

Xác định diện tích đất dành cho giao thông bao gồm cả giao thông tĩnh.

2. Lộ trình thực hiện và ước tính kinh phí

Ước tính kinh phí và xác định các dự án ưu tiên theo từng giai đoạn quy hoạch.

3. Các vấn đề tổ chức quản lý giao thông và các cơ chế chính sách

Đề xuất các giải pháp tổ chức quản lý giao thông và các cơ chế chính sách thực hiện quy hoạch.

PHẦN V- ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.

Theo quy định tại Điều 24 và Phụ lục I của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định Danh mục quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, trong đó không có quy hoạch Giao thông vận tải cấp tỉnh/thành phố. Vì vậy, quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội năm 2045 tầm nhìn đến 2065 không phải lập Báo cáo ĐMC riêng mà chỉ lập một chương Đánh giá môi trường chiến lược với các nội dung được trình bày chi tiết như dưới đây.

** Nội dung chương Đánh giá môi trường chiến lược trong báo cáo Quy hoạch:*

1. Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; các vấn đề xã hội, cảnh quan, văn hoá và di sản
2. di sản
3. Dự báo diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch
4. Đề xuất các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và kế hoạch giám sát môi trường.

** Nội dung công việc liên quan:*

- Tổng hợp, đánh giá diễn biến biến đổi khí hậu và sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia, môi trường có liên quan đến quy hoạch giao thông để đề xuất các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn.
- Thu thập các tài liệu dữ liệu hiện trạng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan quy hoạch.
- Thu thập các tài liệu về điều kiện khí tượng thủy văn, chất lượng nước, không khí, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; các vấn đề xã hội, cảnh quan, văn hoá.
- Soạn thảo nội dung theo mục nêu trên.
- Tham gia tham vấn Quy hoạch bao gồm nội dung trên.

3. Những yêu cầu về sản phẩm (hồ sơ quy hoạch)

7.1 *Phần thuyết minh*

- Thuyết minh tóm tắt
- Thuyết minh tổng hợp (kèm hồ sơ bản vẽ A3)

7.2 *Phần bản vẽ*

- Các sơ đồ liên hệ vùng, tỷ lệ 1/100000;
- Các sơ đồ hiện trạng mạng lưới giao thông Thủ đô Hà Nội mở rộng, tỷ lệ 1/25000 và 1/10000 cho khu vực đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh;
- Các bản đồ quy hoạch mạng lưới giao thông Thủ đô Hà Nội (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không, Nút giao, nhà ga và bến, bãi đỗ xe, tổ chức giao thông công cộng), tỷ lệ 1/100.000, 1/25.000 và 1/10.000 cho khu vực đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh;
- Một bộ đĩa CD (Nội dung thuyết minh+Hồ sơ bản vẽ);
- Số lượng: 10 bộ

7.3 *Cơ sở dữ liệu*

- Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải được đóng gói, chuẩn hóa về định dạng cơ sở dữ liệu (CSDL) quy hoạch chung theo quy định để tích hợp nội dung Quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch chung của Thủ đô Hà Nội, quy hoạch Quốc gia và gửi tới các địa phương, cơ quan liên quan.
- Cơ sở dữ liệu quy hoạch là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử. Nội dung về CSDL thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch và Chương V Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ cụ thể như sau:
 - + Hệ thống thông tin và CSDL quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch.
 - + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và CSDL quốc gia về quy hoạch.

Yêu cầu về cơ sở dữ liệu quy hoạch:

- Về hệ quy chiếu: Sử dụng Hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 cho tất cả các loại thông tin, cơ sở dữ liệu bản đồ.
- Định dạng dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thực hiện theo Điều 5 Chương II Thông tư 04/2023/TT-BKHĐT quy định:
 - + Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch được đóng gói ở định dạng Geodatabase (*.gdb) hoặc theo chuẩn trao đổi dữ liệu địa lý *.xml, *.gml.

+ Kết quả trình bày dữ liệu không gian địa lý về quy hoạch theo định dạng: *.mxd, *.mpk, *.qgz.

Hiện nay, Thành phố đang chỉ đạo lập Đề án Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hợp nhất về Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc - Xây dựng – Phát triển đô thị. Trong quá trình triển khai lập quy hoạch trường hợp Thủ đô Hà Nội đã hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu riêng hoặc các quy định đặc thù về cơ sở dữ liệu sẽ xem xét đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung nhiệm vụ để tích hợp cơ sở dữ liệu theo quy định.

7.4 Mô hình giao thông

Mô hình giao thông được xây dựng bước lập quy hoạch sẽ được bàn giao cho Sở Xây dựng thành phố Hà Nội, phục vụ công tác quản lý, điều hành giao thông và đánh giá tác động các dự án trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô.

Yêu cầu về mô hình giao thông

- Tích hợp toàn bộ cơ sở dữ liệu hiện trạng và phương án quy hoạch giao thông và nhu cầu giao thông theo các giai đoạn quy hoạch.
- Phạm vi không gian: Toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hà Nội.

PHẦN VI - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện – Các cơ quan có liên quan

- | | | |
|---|---|---|
| • Cấp phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch điều chỉnh | : | UBND TP Hà Nội |
| • Cơ quan thẩm định nhiệm vụ quy hoạch điều chỉnh | : | Sở QHKT |
| • Cơ quan quản lý lập nhiệm vụ quy hoạch điều chỉnh | : | Sở Xây Dựng Hà Nội |
| • Cơ quan phối hợp | : | Sở ban ngành, chính quyền địa phương |

2. Thời gian lập quy hoạch điều chỉnh

Thời gian dự kiến như sau:

- Duyệt nhiệm vụ, dự toán: Tháng 05 năm 2025
- Báo cáo đầu kỳ : Tháng 07 năm 2025
- Báo cáo giữa kỳ : Tháng 08 năm 2025
- Báo cáo cuối kỳ : Tháng 09 năm 2025
- Trình UBND Thành phố phê duyệt: Tháng 12 năm 2025

PHẦN VII- KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ

Nhiệm vụ quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội này nhằm thiết lập đầu bài cho Tư vấn lập quy hoạch thực hiện dựa trên điều chỉnh Quy hoạch Chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045 tầm nhìn đến năm 2065.